

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

ĐỀ ÁN

TUYỂN SINH CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY
NĂM 2017

Lào Cai, tháng 2 năm 2017

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2017

1. Thông tin chung về trường

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ

- Tên trường:

+ Tiếng Việt: Trường Cao đẳng Sư phạm Lào Cai.

+ Tiếng Anh: LaoCai Teacher Training College.

- Tên viết tắt của trường: Trường CĐSP Lào Cai.

- Tên trước đây: Trường Trung học Sư phạm Lào Cai.

- Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Địa chỉ: Tổ 13, phường Bình Minh, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

- Thông tin liên hệ:

Điện thoại 0203. 840.155 Số fax: 0203.840.155

E-mail: Phongdaotao.c08@moet.edu.vn.

Website: <http://cdsplaocai.edu.vn> .

- Năm thành lập trường: Năm 1992 theo quyết định số 155/QĐ-TC ngày 29/5/1992 của UBND tỉnh Lào Cai.

-Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: Năm 1992.

- Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: Năm 1994.

- Loại hình trường đào tạo: Công lập.

- Sứ mệnh: Trường Cao đẳng Sư phạm Lào Cai là một trong những trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng cho tỉnh Lào Cai và các tỉnh trong khu vực; liên kết đào tạo trình độ đại học; là cơ sở nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế về đào tạo, cung

cấp nguồn nhân lực cho sự nghiệp giáo dục và các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai và các tỉnh trong khu vực.

- Tầm nhìn: Xây dựng trường Cao đẳng Sư phạm Lào Cai trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng cao. Phát triển Nhà trường trở thành trường đại học đa ngành, đáp ứng nguồn nhân lực cho sự nghiệp phát triển - xã hội của tỉnh Lào Cai và các tỉnh trong khu vực.

1.2. Quy mô đào tạo

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại			
	ĐH		CĐSP	
	GD chính quy	GDTX	GD chính quy	GDTX
Nhóm ngành I			CĐ: 835, TrC: 173	CĐVLVH: 562
Nhóm ngành II				
Nhóm ngành III				
Nhóm ngành IV				
Nhóm ngành V				
Nhóm ngành VI				
Nhóm ngành VII			CĐ: 98	
Tổng			1106	562

1.2. Thông tin về tuyển sinh chính quy 2 năm gần nhất

1.2.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

- Tuyển sinh năm 2015: Xét tuyển căn cứ vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia năm 2015. Riêng các ngành có môn thi năng khiếu thí sinh phải thi tuyển môn năng khiếu tại trường CĐSP Lào Cai.

- Tuyển sinh năm 2016: Hệ cao đẳng liên thông: thi tuyển; hệ cao đẳng: xét tuyển theo Đề án tuyển sinh riêng theo 3 phương thức:

+ Phương thức 1: Xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi trung học phổ thông (THPT) quốc gia năm 2016 (đối với thí sinh đăng ký dự thi để lấy kết quả xét tuyển sinh ĐH, CĐ).

+ Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc học THPT (xét Học bạ).

+ Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi đánh giá năng lực năm 2016 do Trường ĐHQG Hà Nội tổ chức.

Riêng các ngành có môn thi năng khiếu thí sinh có thể lấy kết quả thi tuyển môn năng khiếu tại trường CĐSP Lào Cai hoặc tại các trường ĐH, CĐ khác.

1.2.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Ngành/Tổ hợp môn xét	Năm tuyển sinh -2			Năm tuyển sinh -1			
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	
						ĐH, CĐ	Học bạ THPT
Nhóm ngành I							
- Ngành Sư phạm tiếng Anh	150	10	12,0	100	38	12,0	15,0
<i>Tổ hợp 1: Toán, Ngữ văn, tiếng Anh</i>		2			20		
<i>Tổ hợp 2: Toán, Lý, tiếng Anh</i>					6		
<i>Tổ hợp 3: Ngữ văn, Địa, tiếng Anh</i>		8			9		
<i>Tổ hợp 4: Ngữ văn, Sử, tiếng Anh</i>					3		
- Ngành Giáo dục Tiểu học	100	179	12,0	100	160	11,25	15,0
<i>Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa</i>		42			31		
<i>Tổ hợp 2: Ngữ văn, Sử, Địa</i>		112			100		
<i>Tổ hợp 3: Toán, Ngữ văn, Địa</i>		25			29		
- Ngành Giáo dục Mầm non	100	136	12,1	160	182	12,0	15,0
<i>Tổ hợp 1: Toán, Ngữ văn, NK</i>					121		
- Ngành Sư phạm Toán				40	49		

Ngành/Tổ hợp môn xét	Năm tuyển sinh -2			Năm tuyển sinh -1			
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	
						ĐH, CĐ	Học bạ THPT
<i>Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa</i>					43		
<i>Tổ hợp 2: Toán, Hóa, Ngữ văn</i>					5		
<i>Tổ hợp 3: Toán, Lý, Ngữ văn</i>					1		
- Ngành Sư phạm Địa lý				40	59	12,0	15,0
<i>Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa</i>					11		
<i>Tổ hợp 2: Ngữ văn, Sử, Địa</i>					41		
<i>Tổ hợp 3: Toán, Ngữ văn, Địa</i>					7		
Nhóm ngành II							
Nhóm ngành III							
Nhóm ngành IV							
Nhóm ngành V							
Nhóm ngành VI							
Nhóm ngành VII							
- Tiếng Trung Quốc	40	13	12,0	40	78	12,0	15,0
<i>+ Tổ hợp 1: Toán, Ngữ văn, tiếng Anh</i>		4			41		
<i>+ Tổ hợp 2: Ngữ văn, Địa, tiếng Anh</i>		4			18		
<i>+ Tổ hợp 3: Toán, Ngữ văn, tiếng Trung Quốc</i>		5			19		
GV các môn chung							
Tổng		338	X		566	X	

2. Các thông tin của năm tuyển sinh

2.1. Đối tượng tuyển sinh

- **Cao đẳng:** Tốt nghiệp THPT và tương đương.
- **Cao đẳng liên thông:** Tốt nghiệp trung cấp đúng chuyên ngành (CQ, VLVH).

2.2. Phạm vi tuyển sinh

- Cả nước: Ngành tiếng Trung Quốc, Tiếng Anh.
- Hộ khẩu thường trú trong tỉnh Lào Cai: Các ngành còn lại.

2.3. Phương thức tuyển sinh

2.3.1. Cao đẳng hệ chính quy: Xét tuyển theo hai phương thức:

Phương thức 1: Xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi trung học phổ thông (THPT) quốc gia năm 2017.

Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc học THPT (xét Học bạ).

2.3.2. Cao đẳng liên thông hệ chính quy: Thi tuyển.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

T T	Ngành tuyển/ Chương trình đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu		
			Tổng	Phương thức 1	Phương thức 2
1	Su phạm tiếng Anh	C140231	70	45	25
2	Tiếng Trung Quốc	C220204	80	50	30
3	Tiếng Anh	C220201	40	25	15
4	Giáo dục Tiểu học	C140202	80	50	30
5	Su phạm Hóa (Hóa – Sinh)	C140212	40	25	15
6	Su phạm Tin học	C140210	40	25	15
7	Su phạm Mỹ thuật	C140222	40	25	15
8	Giáo dục Mầm non	C140201	150	105	45

T T	Ngành tuyển/ Chương trình đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu		
			Tổng	Phương thức 1	Phương thức 2
	Giáo dục Mầm non (Liên thông hệ chính quy)	C140201	50	Thi tuyển tại Trường CĐSP Lào Cai	
9	Giáo dục thể chất (GDTC-Công tác đội)	C140206	40	25	15
10	Khoa học Thư viện	C320202	40	25	15

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT

2.5.1. Cao đẳng

* Tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào:

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Đối với các ngành có môn thi năng khiếu, vừa sử dụng môn thi theo kỳ thi THPT quốc gia hoặc kết quả học tập bậc THPT, đồng thời sử dụng kết quả môn thi năng khiếu do trường tổ chức hoặc do các trường ĐH, CĐ khác tổ chức.

- Đối với ngành năng khiếu, thí sinh phải tham dự thi đủ nội dung và có đủ kết quả các môn thi năng khiếu theo quy định của Nhà trường hoặc do các trường ĐH, CĐ khác tổ chức (trong năm tuyển sinh) để lấy điểm thi các môn năng khiếu.

- Đủ điều kiện xét tuyển theo quy định của quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy hiện hành.

- Chỉ xét tuyển những thí sinh nộp đăng ký xét tuyển vào trường với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và đúng quy định.

* Điều kiện nhận ĐKXT:

- Những thí sinh có đủ điều kiện đảm bảo chất lượng đầu vào.

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định.

2.5.2. Cao đẳng liên thông

* Tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào:

- Thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp đúng chuyên ngành đăng ký.

- Thí sinh phải tham dự thi đủ nội dung và có đủ kết quả các môn thi theo quy định của Nhà trường

- Các môn thi phải đạt 5,0 điểm trở lên.

Tiêu chí 3: Chỉ xét tuyển những thí sinh nộp đăng ký xét tuyển vào trường với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và đúng quy định.

* Điều kiện nhận ĐKXT:

- Những thí sinh có đủ điều kiện đảm bảo chất lượng đầu vào.

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

2.6.1. Mã trường: c08

2.6.2. Mã ngành, tổ hợp môn xét tuyển:

T T	Ngành tuyển/ Chương trình đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn thi/xét tuyển	Mã số
1	Sư phạm tiếng Anh	C140231	- Tiếng Anh , Toán, Ngữ văn - Tiếng Anh , Toán, Lý - Tiếng Anh , Ngữ văn, Địa - Ngữ văn, Sử, Địa	D01 A01 D15 C00
2	Tiếng Trung Quốc	C220204	- Tiếng Anh , Toán, Ngữ văn - Tiếng Trung Quốc , Toán, Ngữ văn - Tiếng Anh , Ngữ văn, Địa - Ngữ văn, Sử, Địa	D01 D04 D15 C00
3	Tiếng Anh	C220201	- Tiếng Anh , Toán, Ngữ văn - Tiếng Anh , Toán, Lý - Tiếng Anh , Ngữ văn, Địa - Ngữ văn, Sử, Địa	D01 A01 D15 C00
4	Giáo dục Tiểu học	C140202	- Toán, Lý, Hóa - Ngữ văn, Sử, Địa - Toán, Ngữ văn, Địa - Toán, Lý, tiếng Anh	A00 C00 C04 A01
5	Sư phạm Hóa (Hóa – Sinh)	C140212	- Toán, Lý, Hóa - Toán, Hóa, Sinh - Toán, Hóa, Ngữ văn - Toán, Hóa, Địa	A00 B00 C02 A06

T T	Ngành tuyển/ Chương trình đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn thi/xét tuyển	Mã số
6	Su phạm Tin học	C140210	- Toán, Lý, Hóa - Toán, Lý, tiếng Anh - Toán, Lý, Ngữ văn - Toán, Lý, Địa	A00 A01 C01 A04
7	Su phạm Mỹ thuật	C140222	Ngữ văn, Hình Họa , Bồi cục Toán, Hình họa , Bồi cục	H00 H01
8	Giáo dục Mầm non	C140201	Ngữ văn, Toán, Năng khiếu (Hát; Độc, Kể diễn cảm) Ngữ văn, Địa, Năng khiếu (Hát; Độc, Kể diễn cảm) Toán, Địa, Năng khiếu (Hát; Độc, Kể diễn cảm)	M00 M01 M02
	Giáo dục Mầm non (Liên thông hệ chính quy)	C140201	- Giáo dục học đại cương; - Tiếng Việt và phương pháp phát triển ngôn ngữ; - Phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh;	
9	Giáo dục thể chất (GDTC- Công tác đội)	C140206	Toán, Sinh, Năng khiếu TDTT Ngữ văn, Sinh, Năng khiếu TDTT Toán, Địa, Năng khiếu TDTT Ngữ văn, Địa, Năng khiếu TDTT	T00 T01 T02 T03
10	Khoa học Thư viện	C320202	- Ngữ văn, Sử, Địa - Ngữ văn, Toán, Sử - Ngữ văn, Toán, Địa - Ngữ văn, Hóa, Sử	C00 C03 C04 C11

Môn thi chính được in đậm và được nhân hệ số 2 khi xét tuyển; bao gồm: Môn ngoại ngữ của ngành SP Tiếng Anh, Tiếng Anh và Tiếng Trung Quốc, môn năng khiếu của ngành Giáo dục Mầm non, môn Hình họa của ngành SP Mỹ thuật, môn năng khiếu Thể dục thể thao ngành Giáo dục thể chất.

Nhà trường dành ít nhất 25% chỉ tiêu của ngành đó để xét tuyển theo các khối thi truyền thống.

2.6.3. Điều kiện phụ

Trong cùng một phương thức xét tuyển, ngành có môn thi chính: Nếu 2 thí sinh ở cuối danh sách xét tuyển có tổng điểm xét tuyển bằng nhau thì ưu tiên thí sinh có điểm môn thi chính cao hơn. Nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận ĐKXT/ thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/ thi tuyển, tổ hợp môn thi/ bài thi đối từng ngành đào tạo...

2.7.1. Thời gian

- Đăng ký dự thi năng khiếu: Nhà trường tổ chức thi năng khiếu nhiều đợt để tuyển sinh. Tất cả thí sinh có thể đăng ký sớm vào trước các thời điểm trên. Tùy theo tình hình nộp hồ sơ, nhà trường sẽ tổ chức thi tuyển, thi năng khiếu và xét tuyển sớm hơn so với lịch.

- Hồ sơ đăng ký:

+ Đơn dự thi download tại Website: <http://cdsplaocai.edu.vn>).

+ Thí sinh dự tuyển vào ngành có thi môn năng khiếu, sau khi dự thi năng khiếu cần nộp thêm hồ sơ xét tuyển theo quy định.

- Thu hồ sơ liên tục từ tháng 03/2017, riêng các thí sinh dự thi THPT quốc gia năm 2017 nộp hồ sơ ĐKXT cùng với hồ sơ đăng ký dự thi THPT quốc gia theo quy định của sở GDĐT kèm theo lệ phí ĐKXT.

2.7.2. Hình thức nhận ĐKXT/thi tuyển

Nộp trực tiếp tại Trường CĐSP Lào Cai hoặc chuyển phát nhanh theo địa chỉ Hội đồng tuyển sinh Trường CĐSP Lào Cai - Tổ 13, phường Bình Minh, thành phố Lào Cai.

2.7.3. Các điều kiện xét tuyển/thi tuyển

* Đảm bảo các tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào.

* *Điểm xét tuyển (ĐXT):*

- Ngành không có môn thi chính: Điểm xét tuyển là tổng điểm của tổ hợp 3 môn thi/xét tuyển, không nhân hệ số cộng với điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng (theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT).

$$\text{ĐXT} = \text{TĐT} + \text{ĐUT}$$

Trong đó:

TĐT: Tổng điểm các môn thi/xét = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3

ĐUT: Điểm ưu tiên = (ĐUT khu vực + ĐUT đối tượng)

ĐXT: Điểm xét tuyển

- Ngành có môn thi chính: Điểm xét tuyển là tổng điểm của tổ hợp 3 môn thi/xét tuyển (được nhân hệ số và quy về thang điểm 30), cộng với điểm ưu tiên

khu vực, ưu tiên đối tượng (theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT).

$$ĐXT = TĐT \times \frac{3}{4} + ĐUT$$

Trong đó:

TĐT: Tổng điểm các môn thi/xét = Điểm môn thi chính x 2 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3

ĐUT: Điểm ưu tiên = (ĐUT khu vực + ĐUT đối tượng)

ĐXT: Điểm xét tuyển

Ghi chú: Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

2.7.4. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

* Cao đẳng

- Phương thức 1:

- + Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu.
- + Một phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh để trường thông báo kết quả xét tuyển.
- + Hồ sơ khác theo quy định của Sở GDĐT (nếu có).

- Phương thức 2:

- + Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Trường CĐSP Lào Cai.
- + Học bạ THPT/BTTHPT (bản photocopy).
- + Bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với thí sinh vừa tốt nghiệp (bản photocopy).
- + Các giấy tờ ưu tiên (bản photocopy).

* Cao đẳng liên thông

- + Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Trường CĐSP Lào Cai;
- + Bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm Mầm non (bản photo);
- + Giấy khai sinh (Bản photo);
- + Một phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh để trường thông báo kết quả xét tuyển.
- + Các giấy tờ ưu tiên (bản photo công chứng) (nếu có).

2.7.5. Nguyên tắc xét tuyển

Đối với thí sinh đáp ứng các tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào và xét tuyển theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đủ chỉ tiêu cho từng phương thức đã xác định của mỗi ngành.

Thí sinh được ĐKXT không giới hạn số nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Trong xét tuyển đợt 1, thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi của mỗi ngành, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ quy định phải sử dụng điều kiện phụ. Đối với mỗi thí sinh, nếu ĐKXT vào nhiều ngành thì việc xét tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng; thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

Trường hợp số chỉ tiêu của phương thức này không đủ chỉ tiêu sẽ xét tuyển tăng chỉ tiêu của phương thức còn lại.

Sau khi xét tuyển mỗi đợt nếu chưa đủ chỉ tiêu, thì Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trường sẽ quyết định tuyển nguyện vọng bổ sung tiếp theo.

2.7.6. Điều chỉnh nguyện vọng

Sau khi có kết quả thi THPT quốc gia, thí sinh được điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT một lần trong thời gian quy định của Bộ GD&ĐT, bằng cách liên hệ qua điện thoại, email, chuyển phát nhanh hoặc đến trực tiếp tại nơi đăng ký dự thi.

2.8. Chính sách ưu tiên: Tổ chức tuyển thẳng; Ưu tiên xét tuyển;..

2.8.1. Tuyển thẳng

Các đối tượng được xét tuyển thẳng vào các ngành của trường.

- Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp trung học;

- Người đã trúng tuyển vào Trường CĐSP Lào Cai, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học tại trường;

- Thí sinh đã tốt nghiệp trung học là thành viên đội tuyển quốc gia, được Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á được tuyển thẳng vào ngành Giáo dục thể chất;

Những thí sinh đoạt giải các ngành TDTT, thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày dự thi hoặc xét tuyển vào trường.

- Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải khuyến khích trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp trung học, được tuyển thẳng vào trường theo đúng ngành hoặc ngành gần của môn mà thí sinh đã đoạt giải;

- Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại Trường CĐSP Lào Cai: Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập trung học phổ thông của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực tiếng Việt theo quy định của trường để xem xét, quyết định cho vào học.

+ Người có bằng trung cấp loại giỏi trở lên và người có bằng trung cấp loại khá có ít nhất 02 năm làm việc theo chuyên ngành hoặc nghề đã được đào tạo, đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế tuyển sinh hiện hành, được tuyển thẳng vào cùng chuyên ngành trình độ cao đẳng.

2.8.2. Xét tuyển thẳng

Xét tuyển thẳng đối với các học sinh đã tốt nghiệp trường THPT chuyên của các tỉnh, thành phố vào các ngành phù hợp với môn học chuyên hoặc môn đoạt giải nếu đáp ứng điều kiện: ba năm học THPT chuyên của tỉnh đạt học sinh giỏi hoặc đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi do cấp tỉnh trở lên tổ chức.

2.8.3. Ưu tiên xét tuyển

Thí sinh không dùng quyền tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển:

- Đối với thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và đã tốt nghiệp trung học, sau khi hoàn thành kỳ thi THPT quốc gia, có kết quả thi đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do trường quy định;

- Thí sinh đoạt huy chương bạc, huy chương đồng của các giải vô địch hạng nhất quốc gia tổ chức 1 lần trong năm và thí sinh được Ủy ban TDTT có

quyết định công nhận là vận động viên cấp 1 quốc gia đã tham dự kỳ thi THPT quốc gia, không có môn nào có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống, được ưu tiên xét tuyển vào ngành Giáo dục thể chất;

Những thí sinh đoạt giải các ngành TDTT, thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày dự thi hoặc xét tuyển vào trường.

2.9. Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển;

- Lệ phí xét tuyển: 30.000đ/hồ sơ
- Lệ phí thi năng khiếu: 300.000đ/thí sinh
- Lệ phí thi liên thông: 105.000đ/ thí sinh

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

Học phí đối với các ngành phải đóng học phí của năm học 2017-2018: 590.000đ/tháng.

2.11. Các nội dung khác (không trái quy định)....:

2.11.1. Nội dung thi năng khiếu

** Năng khiếu ngành Mầm non: Hát; Đọc, kể diễn cảm*

- Hát: Thí sinh bốc thăm lựa chọn chủ đề (thiếu nhi; tình yêu; con người; Thầy cô và mái trường; quê hương đất nước); tự chọn và biểu diễn một bài hát thuộc chủ đề đó.

- Đọc, kể diễn cảm: Thí sinh đọc diễn cảm nội dung (in trên đề thi) và kể một câu chuyện do thí sinh chuẩn bị (tự chọn).

** Năng khiếu ngành Sư phạm Mỹ thuật:*

- Hình họa: Thí sinh vẽ mô hình mẫu vật (**tượng người**) bằng chì đen hoặc than trên giấy vẽ A3. Thí sinh tự chuẩn bị đồ dùng: Giấy, bút chì, giá vẽ,...

- Bố cục: Vẽ trên giấy vẽ (hoặc giấy báo trắng) bằng màu (bột, nước) về đề tài cuộc sống do thí sinh tự chọn. Thí sinh tự chuẩn bị đề tài, giấy vẽ, giá vẽ, màu,....

** Năng khiếu ngành Giáo dục thể chất:*

- Chạy 100m
- Bật xa

2.11.2. Chuẩn bị của thí sinh

* Năng khiếu ngành Mầm non:

- Dụng cụ, đồ dùng mang vào phòng thi: Thí sinh không được mang dụng cụ, đồ dùng vào phòng thi; chỉ được mang đạo cụ phục vụ cho việc thể hiện nội dung thi.

- Trang phục: Nghiêm túc, phù hợp với nội dung thi.

* Năng khiếu ngành Sư phạm Mỹ thuật:

Dụng cụ, đồ dùng mang vào phòng thi: Giấy vẽ, màu, bút/cọ vẽ, giá vẽ, nước,....

* Năng khiếu ngành Giáo dục thể chất:

Trang phục thuận lợi cho việc thực hiện động tác của thể dục thể thao.

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng chính

3.1. Cơ sở vật chất: diện tích đất; diện tích phòng học, thư viện; giới thiệu về phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành; chỗ ở ký túc xá...

3.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

Nhà trường đã có diện tích 18,3ha với đủ giảng đường, phòng học, phòng chức năng, phòng thí nghiệm, thực hành, thực tập đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập của các chương trình đào tạo, trong đó:

- Nhà hiệu bộ với diện tích sử dụng 3 tầng (1776 m²); Nhà Đa năng có diện tích 1200m².

- Nhà giáo dục thể chất 1 tầng (1640 m²) có đủ thiết bị, dụng cụ và tổ chức các hoạt động dạy và học môn Giáo dục thể chất của nhà trường.

- Khu giảng đường có diện tích 14.946 m² với 67 phòng học được trang bị máy chiếu và các thiết bị âm thanh cùng các phòng thí nghiệm, thực hành Địa lý; Sinh học; Vật lý và Hóa sinh được trang bị máy chiếu Projector, có đủ các trang thiết bị thực hành thí nghiệm phục vụ đào tạo chính quy của nhà trường.

- Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học và Trung tâm hỗ trợ học tập (KLF) có diện tích 980m² được trang bị các thiết bị hiện đại với hơn 200 máy tính được kết nối mạng Internet băng thông rộng tốc độ cao; Trung tâm truy cập thông tin (IAC) tầng (684 m²), hiện đang phục vụ cho hoạt động đào tạo của nhà trường và của người học trên địa bàn tỉnh.

- Ký túc xá cho học sinh sinh viên 780m² liền kề với Trung tâm truy cập thông tin (780m²), Nhà công vụ diện tích 900m².

- Sân thể dục thể thao gồm: 01 sân bóng đá (11,250 m²), đường chạy (400m) 01 sân bóng chuyền (500 m²), 01 sân bóng rổ (500 m²), 01 sân thể dục dụng cụ (500m²) hiện đang bố trí để tổ chức học tập cho chuyên ngành thể dục thể thao và tổ chức các hoạt động thể dục thể thao của nhà trường.

3.1.2. Thống kê phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

- Thiết bị dùng chung:

+ Máy tính văn phòng / máy in văn phòng: 53/22, máy tính phục vụ học tập tra cứu của HSSV 435,

+ Máy chiếu: 68 Projector (Dùng cho hệ thống văn phòng: 3, Dùng cho HSSV học tập: 65)

+ Các thiết bị nghe nhìn, truyền thông: Tivi: 6; Đầu video: 10; Đài cát set: 20; Máy quay phim: 5; máy ảnh: 7; Tủng âm, loa đài: 15 bộ

+ Máy Photocopi, máy quét VB, máy in màu:.....: Máy Photocopi: 05 ; Máy quét VB: 02; Máy in màu: 01,.....

- Phòng thí nghiệm, thực hành: Có 17 phòng thí nghiệm, thực hành cần thiết được trang bị đầy đủ các điều kiện để thực hiện thí nghiệm, thực hành:

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
1	Phòng học ngoại ngữ: 02 phòng	Bàn điều khiển, máy tính, tai nghe, cabin, máy chiếu, đường truyền Internet,...
2	Phòng âm nhạc: 01 phòng	Máy chiếu, máy tính, Đàn, các thiết bị dạy học Âm nhạc...
3	Phòng mỹ thuật: 01 phòng;	Giá vẽ, mẫu vật, mẫu vẽ, máy chiếu, máy tính...
4	Phòng Tiểu học: 01 phòng	Thiết bị đồ dùng tối thiểu trong giáo dục tiểu học
5	Phòng Mầm non: 02 phòng, 01 phòng nghiệp vụ, 01 phòng dinh dưỡng	Thiết bị đồ dùng tối thiểu trong giáo dục mầm non; thiết bị dạy học dinh dưỡng

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
6	Phòng các môn khoa học xã hội: 01 phòng	Đầu đĩa, tivi, thiết bị đồ dùng tối thiểu trong giáo dục các môn xã hội
7	Phòng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Đoàn đội: 01 phòng	Thiết bị đồ dùng tối thiểu trong giáo dục Quốc phòng – An ninh; thiết bị dạy học về Đoàn – Đội.
8	Phòng thiết bị Địa lý: 01 phòng	Máy chiếu, máy tính, mô hình địa lý và các thiết bị dạy học, thực hành bộ môn.
9	Phòng thực hành Hóa học: 01 phòng;	Máy chiếu, máy tính, hóa chất và các thiết bị dạy học, thực hành bộ môn.
10	Phòng thực hành sinh học: 01 phòng	Máy chiếu, máy tính, mẫu vật và các thiết bị dạy học, thực hành bộ môn.
11	Phòng thực hành công nghệ: 01 phòng;	Máy chiếu, máy tính và các thiết bị dạy học, thực hành bộ môn.
12	Phòng thực hành Tin học: 04 phòng;	Máy chiếu, máy tính, tai nghe, đường truyền Internet,...

3.1.3. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01
2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	10
3	Phòng học từ 50 – 100 chỗ	35
4	Phòng học dưới 50 chỗ	02
5	Phòng học đa phương tiện	04

3.1.4. Thống kê về học liệu

Thư viện nhà trường có hơn 5.000 đầu sách giáo trình và tham khảo, chuyên khảo các loại với hơn 90.000 quyển cho đào tạo trình độ cao đẳng. Nhà trường đã sử dụng thư viện điện tử nhằm đáp ứng nhu cầu tự học, tự nghiên cứu của học sinh, sinh viên và cập nhật kiến thức của đội ngũ giảng viên.

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Nhóm ngành I	Hơn 4500 đầu sách giáo trình và tài liệu tham khảo, chuyên khảo với hơn 80.000 quyển
2	Nhóm ngành II	
3	Nhóm ngành III	
4	Nhóm ngành IV	
5	Nhóm ngành V	
6	Nhóm ngành VI	
7	Nhóm ngành VII	Hơn 500 đầu sách giáo trình và tài liệu tham khảo, chuyên khảo với hơn 10.000 quyển

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu

Tổng số công chức, viên chức hiện có của Trường hiện nay là: 120 người, cụ thể: Công chức 01 người (Hiệu trưởng); 02 Phó Hiệu trưởng; viên chức là giảng viên: 95 người, giảng viên chính: 17, giảng viên 93. Phân theo trình độ: Tiến sỹ: 03; Thạc sỹ đang học NCS: 03, Thạc sỹ: 55; đang học thạc sỹ: 13, Đại học: 22.

Đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL) trong trường gồm Ban Giám hiệu; trưởng, phó các Khoa, Phòng, Tổ, Trung tâm gồm 29 người. Trong đó, số CBQL có trình độ từ thạc sỹ trở lên là 25 người, chiếm 86.21 %.

Danh sách giảng viên cơ hữu:

Stt	Họ và tên	Chức danh		Trình độ chuyên môn cao nhất			
		PGS	GS	ĐH	Ths	TS	TSKH
	Nhóm ngành I						
1	Hoàng Văn Dương					x	
2	Vũ Thị Bình					x	
3	Đặng Thị Oanh					x	
4	Nguyễn Văn Sơn				x		
5	Vũ Thị Hậu				x		
6	Nguyễn Huy Long				x		
7	Đào Thị Thu Thảo				x		
8	Đông Ngọc Sơn				x		

Stt	Họ và tên	Chức danh		Trình độ chuyên môn cao nhất			
		PGS	GS	ĐH	Ths	TS	TSKH
9	Ninh Anh Đại				x		
10	Trần Thị Thu			x			
11	Trần Minh Hiếu			x			
12	Nguyễn Hoài Nam				x		
13	Dương Văn Tý			x			
14	Bùi Văn Vĩnh				x		
15	Lê Thị Minh Phú				x		
16	Nguyễn Thị Ngọc Ngân				x		
17	Lê Thị Thanh Hà				x		
18	Hoàng Đức Trọng				x		
19	Nguyễn Thị Hồng Hạnh				x (TN: 2017)		
20	Nguyễn Thị Minh Lương				x		
21	Mạc Thị Mai			x			
22	Nguyễn Thị Sơn Hà				x		
23	Nguyễn Thị Hồng Nhung				x		
24	Nguyễn Thị Chuyên				x		
25	Phạm Thị Bích Thảo						
26	Vũ Mạnh Đạt				x (TN: 2017)		
27	Vũ Thị Hậu			x			
28	Đào Thị Thuý Nga				x		
29	Phan Xuân Dũng				x		
30	Trần Thị Thuý Nga				x		
31	Phạm Thị Kim Cúc				x		
32	Nguyễn Thị Lý				x		
33	Lưu Thị Thanh Mai				x		
34	Giàng Thị Gấm				x		
35	Nguyễn Ánh Tuyết			x			
36	Lê Thị Lượng				x		
37	Nguyễn Thị Kim Hoa				x		

Stt	Họ và tên	Chức danh		Trình độ chuyên môn cao nhất			
		PGS	GS	ĐH	Ths	TS	TSKH
38	Chu Thị Thi Hương				x		
39	Nguyễn Thị Hương Giang				x		
40	Đinh Thị Mận				x (TN: 2017)		
41	Đặng Thị Bích Diệp				x		
42	Đỗ Thị Thanh Luyến				x		
43	Hà Thị Thu Thủy				x (TN: 2018)		
44	Nguyễn Thị Hải Yến				x		
45	Trương Đức Tuấn				x (TN: 2018)		
46	Ma Thị Dưa			x			
47	La Thị Bích Ngọc			x			
48	Hà Vũ Quang				x		
49	Nguyễn Xuân Chiến				x		
50	Nguyễn Thuý Hà				x		
51	Phạm Thị Thắng				x		
52	Triệu Thị Ngọc Hương				x		
53	Nguyễn Thị Thu Hằng				x		
54	Trần Thị Hường				x (TN: 2018)		
55	Giàng Thị Mai				x (TN: 2018)		
56	Lê Thu Hằng				x		
57	Nguyễn Quang Vinh				x		
58	Lê Thị Kim Dung				x		
59	Hồ Thu Huyền			x			
60	Phạm Thanh Loan			x			
61	Nguyễn Thị Ngọc Mai				x (TN: 2018)		
62	Trần Thị Thùy Linh			x			
63	Nguyễn Phương Thanh				x		
64	Hà Thị Quỳnh			x			
65	Tổng Hải Lý				x		

Stt	Họ và tên	Chức danh		Trình độ chuyên môn cao nhất			
		PGS	GS	ĐH	Ths	TS	TSKH
66	Nguyễn Thị Xuân				x		
67	Nguyễn Thị Lệ Thủy				x		
68	Bùi Thị Bình				x		
69	Phạm Thị Minh Thúy				x		
70	Nguyễn Cao Đăng			x			
71	Vũ Thanh Thủy				x		
72	Trần Việt Sơn				x		
73	Nguyễn Thị Tám				x		
74	Trần Thị Thu Trang			x			
75	Nguyễn Thị Thu Hà				x (TN: 2018)		
76	Đỗ Huyền Nghĩa			x			
77	Lê Thị Thu Huyền			x			
	Nhóm ngành III						
	Nhóm ngành IV						
	Nhóm ngành V						
78	Nguyễn Thị Thanh Nga			x			
79	Diệp Minh Thiện			x			
80	Trần Thanh Bình			x			
81	Nguyễn Quang Huy			x			
	Nhóm ngành VI						
	Nhóm ngành VII						
82	Lê Thị Hạnh			x			
	GV các môn chung						
83	Phạm Trường Minh				x		
84	Đới Thị Thu Thủy				x		
85	Nguyễn Thị Thu Hồng				x		
86	Trần Thùy Linh				x		

Stt	Họ và tên	Chức danh		Trình độ chuyên môn cao nhất			
		PGS	GS	ĐH	Ths	TS	TSKH
87	Đặng Thị Thanh Thuý				x		
88	Nguyễn Đức Thắng				x (TN: 2018)		
89	Đặng Văn Lâm				x		
90	Vũ Thanh Thuý				x (TN: 2017)		
91	Trần Thị Nga			x			
92	Hoàng Thị Bảo Ngọc				x		
93	Đào Thị Hương				x (TN: 2017)		
94	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh				x		
95	Lê Quốc Thắng				x		
96	Nguyễn Hải Quỳnh				x		

3.3. Các yếu tố đảm bảo chất lượng, sự công bằng của phương thức tuyển sinh

- Nhà trường đã thành lập Phòng Thanh tra – Kiểm định chất lượng giáo dục, gồm những cán bộ có tinh thần trách nhiệm cao, có uy tín với đồng nghiệp và có kinh nghiệm trong công tác thanh tra, nhất là thanh tra tuyển sinh. Hoạt động độc lập, giám sát việc thực hiện công tác xét tuyển, đảm bảo công bằng cho thí sinh tham gia xét tuyển theo đúng phương án đã đề ra.

- Kiểm tra, đối chiếu bản chính học bạ THPT/BTTHPT, văn bằng.

- Công khai quy định xét tuyển, quy trình xét tuyển.

- Xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm quy định về xét tuyển và có hình thức khen thưởng đối với những cán bộ thực hiện nghiêm túc quy định xét tuyển hoặc phát hiện các hiện tượng, các trường hợp tiêu cực.

Ngày 09 tháng 02 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Văn Dương

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG
CĐSP LÀO CAI NĂM 2017

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN
CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2017

Mã trường: c08

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh Trường Cao Sư phạm Lào Cai

1. Số phiếu (thí sinh không ghi mục này):

2. Đăng ký đợt xét tuyển (thí sinh ghi rõ Nguyên vọng I hay Nguyên vọng bổ sung):
.....
..

3. Họ và tên (chữ in hoa có dấu):

4. Giới tính (nữ ghi 1, nam ghi 0):

5. Ngày sinh (ngày, tháng, 2 số cuối năm,
nếu ngày tháng nhỏ hơn mười ghi số 0 ở đầu ô):
Ng□y Th□ng N□m

6. Dân tộc:

7. Số chứng minh nhân dân:

8. Hộ khẩu thường trú:

..... Mã tỉnh : Mã huyện:

9. Địa chỉ báo tin, kết quả xét tuyển:

10. Điện thoại liên lạc: Email:

11. Khu vực và đối tượng ưu tiên (khoanh tròn và điền khu vực, đối tượng ưu tiên
vào các ô)

Khu vực: KV1, KV2-NT, KV2, KV3.

Đối tượng ưu tiên: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07.

12. Nơi học THPT hoặc tương đương (ghi rõ tên trường, điền mã trường vào các ô)

Năm lớp 10:

Năm lớp 11:

Năm lớp 12:

Mã huyện Mã trường

13. Nguyên vọng, mã ngành, môn thi dùng xét tuyển các ngành theo thứ tự:

- PA01: Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia năm 2017;

Nguyên vọng	Tên ngành	Tên môn	Điểm	Tên môn	Điểm	Tên môn	Điểm
NV1							
NV2							

Nguyện vọng	Tên ngành	Tên môn	Điểm	Tên môn	Điểm	Tên môn	Điểm
NV3							
NV4							
NV5							
NV6							
NV7							
NV8							
NV9							
NV10							

Mã đăng ký xét tuyển:

			-				-						
--	--	--	---	--	--	--	---	--	--	--	--	--	--

(Ghi mã số theo giấy chứng nhận kết quả thi)

- PA02: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc THPT

Nguyện vọng	Tên ngành	Điểm trung bình môn lớp 12					
		Môn 1		Môn 2		Môn 3	
		Tên môn	Điểm	Tên môn	Điểm	Tên môn	Điểm
NV1							
NV2							
NV3							
NV4							
NV5							
NV6							
NV7							
NV8							
NV9							
NV10							

Đối với thí sinh dự tuyển vào ngành có môn thi năng khiếu chỉ ghi điểm môn văn hóa.

Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm theo các quy định hiện hành.

....., ngày tháng năm 2017

Thí sinh đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG
CĐSP LÀO CAI NĂM 2017

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN
CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG HỆ CHÍNH
QUY NĂM 2017

Mã trường: c08

Ngành: Giáo dục Mầm non

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh Trường Cao Sư phạm Lào Cai

1. Số phiếu (thí sinh không ghi mục này):

2. Họ và tên (chữ in hoa có dấu):

3. Giới tính (nữ ghi 1, nam ghi 0):

4. Ngày sinh (ngày, tháng, 2 số cuối năm,
nếu ngày tháng nhỏ hơn mười ghi số 0 ở đầu ô):
Ng Th N m

5. Dân tộc: Tôn giáo:

6. Số chứng minh nhân dân:

7. Hộ khẩu thường trú:

..... Mã tỉnh : Mã huyện:

8. Địa chỉ báo tin, kết quả xét tuyển:

.....

10. Điện thoại liên lạc: Email:

14. Khu vực và đối tượng ưu tiên (khoanh tròn và điền khu vực, đối tượng ưu tiên
vào các ô)

Khu vực: KV1, KV2-NT, KV2, KV3.

Đối tượng ưu tiên: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07.

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

15. Nơi học THPT hoặc tương đương (ghi rõ tên trường, điền mã trường vào các ô)

Năm lớp 10:

Năm lớp 11:

Năm lớp 12:

Mã huyện Mã trường

Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn
toàn chịu trách nhiệm theo các quy định hiện hành.

....., ngày tháng năm 2017

Thí sinh đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mã trường: C08

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI NĂNG KHIẾU

Ngành:.....

1. Họ, chữ đệm và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

.....

2. Ngày, tháng, năm sinh
(Ngày, tháng nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở đầu)

--	--	--	--	--	--	--	--

3. Dân tộc (Ghi bằng chữ):Giới tính (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

--

4. Nơi sinh (tỉnh/thành phố):.....

5. Số chứng minh thư nhân dân:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

6. Hộ khẩu thường trú (Ghi rõ HKTT vào dòng dưới)

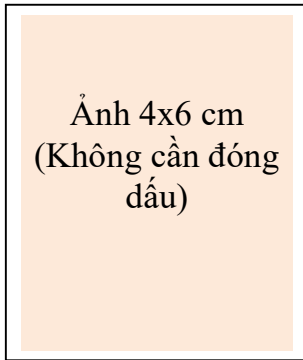
.....

.....

7. Địa chỉ liên hệ:.....

.....

8. Email:Số điện thoại:



Lào Cai, ngày..... tháng.....năm 2017

Chữ ký của thí sinh